TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 386/2026/DS-PT
Ngày: 29/5/2026
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng

Ông Trần Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai*:* Bà Trần Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 22 và 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 562/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm 174/2025/DS-ST ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 155/2026/QĐ-PT ngày 06/02/2026; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 50/2026/QĐTNPT-DS ngày 05/3/2026; Thông báo mở lại phiên tòa số 34/TB-TA ngày 25/3/2026; Thông báo dời lịch số 49/TB-TA ngày 02/4/2026; Thông báo mở phiên tòa số 68/TB-TA ngày 13/6/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Dương Quốc V, sinh năm 1993

Thường trú: Số G, tổ B, khu phố F, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, thành phố Đ).

Tạm trú: Số E, tổ A, khu phố F, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, thành phố Đ).

2. Bị đơn: ông Đinh Đỗ Hoàng T, sinh năm 1993

Địa chỉ: 2, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quốc T1, sinh năm 1970 (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/3/2025)

Địa chỉ: Số A N, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

**** Nguyên đơn ông Dương Quốc V trình bày:***

Do quan hệ quen biết là bạn bè thân thiết từ trước nên ông Đinh Đỗ Hoàng T có hỏi vay tiền của ông nhiều lần để lo công việc gia đình và làm ăn. Vì tin tưởng bạn nên từ tháng 6/2019 ông nhiều lần cho ông T vay tiền, cụ thể:

- Vào ngày 14/6/2019, ông T vay của ông số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), ông T có viết giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Hết thời hạn, ông T nói chưa có đủ tiền nên chưa trả lại tiền gốc và lãi cho ông được.

- Từ ngày 03/02/2020 đến ngày 05/02/2020, ông T nói có việc gấp cần tiền, nên ông có chuyển khoản cho ông T vay tổng số tiền là 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng). Ông T hẹn chỉ 02 ngày sau sẽ trả lại cho ông nên ông không yêu cầu ông T viết giấy vay tiền cũng như không tính lãi (đính kèm sao kê chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng).

Tuy nhiên, hết thời hạn như thỏa thuận, ông đã nhiều lần yêu cầu ông T phải trả hết số tiền đã vay nhưng ông T không trả tiền cho ông, cũng như cố tình trông mặt không gặp ông, tắt điện thoại cắt đứt liên lạc với ông.

Vì vậy, ông yêu cầu ông T phải trả cho ông:

+ Số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 1%/tháng, tính từ 14/8/2019 đến 14/6/2025 (tính tròn là 70 tháng), tổng cộng là: 150.000.000đồng + 105.000.000đồng = 255.000.000đồng; không yêu cầu tính lãi suất từ ngày 15/6/2025 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

+ Số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm triệu đồng), tiền lãi là 1%/tháng, tính từ 05/02/2020 đến 05/6/2025 (tính tròn là 64 tháng), tổng cộng là:

2.200.000.000đồng + 1.408.000.000đồng = 3.608.000.000đồng; không yêu cầu tính lãi suất từ ngày 06/6/2025 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

** Theo bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa – ông Bùi Quốc T1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn là ông Dương Quốc V phải trả lại cho ông Đinh Đỗ Hoàng T số tiền đã trả chênh lệch là 1.089.200.000 đồng (Một tỷ, không trăm tám mươi chín triệu, hai trăm ngàn đồng).

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 174/2025/DS-ST ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai, đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Dương Quốc V:

Buộc anh Đinh Đỗ Hoàng T phải trả cho anh Dương Quốc V số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi (tính 1%/tháng, tính từ 14/8/2019 đến 14/6/2025 tính tròn là 70 tháng) là 105.000.000 đồng, tổng cộng là: 255.000.000 đồng.

Buộc anh Đinh Đỗ Hoàng T phải trả cho anh Dương Quốc V số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm triệu đồng) và tiền lãi (tính 1%/tháng, tính từ 05/02/2020 đến 05/6/2025 tính tròn là 64 tháng) là 1.408.000.000 đồng, tổng cộng là 3.608.000.000 đồng.

Tổng cộng anh Đinh Đỗ Hoàng T phải trả cho anh Dương Quốc V số tiền là 3.863.000.000 đồng (Ba tỷ, tám trăm sáu mươi ba triệu đồng).

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn anh Đinh Đỗ Hoàng T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn là anh Dương Quốc V phải trả lại cho anh Đinh Đỗ Hoàng T số tiền anh T đã trả chênh lệch là 1.089.200.000 đồng (Một tỷ, không trăm tám mươi chín triệu, hai trăm ngàn đồng)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/7/2025 Bị đơn ông Đinh Đỗ Hoàng T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 174/2025/DS-ST ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

** Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử và tại phiên tòa. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của cả nguyên đơn và bị đơn có cơ sở xác định từ tháng 03/2019 đến tháng 02/2020 ông Dương Quốc V dùng 02 tài khoản gồm số 0481000850274 tại Ngân hàng TMCP N và số 19035239610012 tại Ngân hàng TMCP K; còn ông Đinh Đỗ Hoàng T dùng 02 tài khoản gồm số 0481000846812 tại Ngân hàng TMCP N và số 19035020813015 tại Ngân hàng TMCP K để giao nhận tiền với nhau, mục đích là vay mượn, thanh toán tiền gốc, tiền lãi. Đồng thời ông T còn vay của ông V số tiền 150.000.000đ theo nội dung tại "Giấy vay tiền ngày 14/6/2019" nhưng chưa thanh toán. Đối chiếu tài liệu sao kê chuyển khoản do 02 Ngân hàng trên cung cấp trong khoảng thời gian trên từ thời điểm tháng 03/2019 đến tháng 02/2020, đủ căn cứ xác định ông V đã chuyển cho ông T tổng số tiền 21.228.000.000đ thông qua chuyển khoản; còn ông T đã chuyển trả cho ông V số tiền 17.454.500.000đ. Từ cơ sở trên xác định việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả lại tiền gốc 2.350.000.000đ là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Từ phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm do phát sinh tình tiết mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Ngày 04/7/2025 bị đơn ông Đinh Đỗ Hoàng T nộp đơn kháng cáo, đơn kháng cáo được nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm

[2] Người tham gia phiên toà:

Nguyên đơn ông Dương Quốc V, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Bùi Quốc T1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả đương sự.

[3] Xét kháng cáo: Từ trình bày của cả nguyên đơn và bị đơn có cơ sở xác định từ tháng 03/2019 đến tháng 02/2020 ông Dương Quốc V dùng 02 tài khoản gồm số

0481000850274 tại Ngân hàng TMCP N và số 19035239610012 tại Ngân hàng TMCP K; còn ông Đinh Đỗ Hoàng T dùng 02 tài khoản gồm số 0481000846812 tại Ngân hàng TMCP N và số 19035020813015 tại Ngân hàng TMCP K để giao nhận tiền với nhau. Từ lời khai của cả nguyên đơn và bị đơn về lý do chuyển tiền có căn cứ xác định mục đích chuyển tiền là vay mượn, trả tiền gốc, tiền lãi.

[3.1] Bị đơn ông Đinh Đỗ Hoàng T phản tố yêu cầu nguyên đơn ông Dương Quốc V phải trả lại số tiền 1.089.200.000đ vì cho rằng trong quá trình vay mượn từ tháng 3/019 đến tháng 02/2020, ông T chỉ nhận chuyển khoản từ ông V thông qua các Ngân hàng Ngân hàng TMCP N và Ngân hàng TMCP K với tổng số tiền 17.454.500.000đ, trong khi đó đã chuyển khoản thanh toán cho ông V tổng cộng 18.543.700.000đ nên yêu cầu trả lại số tiền chênh lệch như trên.

Đối chiếu tài liệu sao kê chuyển khoản do 02 Ngân hàng trên cung cấp trong khoảng thời gian trên từ thời điểm tháng 03/2019 đến tháng 02/2020, bản đối chiếu do đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông T thực hiện (bút lục 291 đến 294), lời khai thừa nhận của nguyên đơn ông V thì có căn cứ xác định tổng số tiền ông T đã chuyển cho ông V trong giai đoạn trên là 18.543.700.000đ. Phía bị đơn thừa nhận chuyển số tiền nhằm mục đích trả tiền vay và cả tiền lãi cho ông V, tuy nhiên do có nhiều lần chuyển tiền qua lại nên không thể xác định chính xác trong đó có bao nhiêu tiền gốc, bao nhiêu tiền lãi.

[3.2] Nguyên đơn ông Dương Quốc V khởi kiện yêu cầu ông Đinh Đỗ Hoàng T thanh toán số tiền nợ gốc là 2.350.000.000đ và lãi do chậm trả trên cơ sở gồm: (i) *"Giấy vay tiền ngày 14/6/2019"* ghi nhận ông T đã vay của ông V số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 02 tháng, không ghi nhận lãi suất cụ thể, (ii) khoản vay từ ngày 03/02/2020 đến ngày 05/02/2020 với tổng số tiền là 2.200.000.000 đồng.

Bị đơn thừa nhận có việc làm giấy vay tiền ngày 14/6/2019, cho rằng đã thanh toán xong nhưng không có chứng cứ chứng minh nên trình bày này không được chấp nhận.

Đại diện bị đơn xác nhận việc thông qua việc chuyển khoản tại Ngân hàng TMCP K và Ngân hàng TMCP N đã số tiền 17.454.500.000đ từ ông Dương Quốc V. Nội dung xác nhận được thể hiện tại bản đối chiếu do đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông T thực hiện (bút lục 291 đến 294).

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong bản đối chiếu sao kê trên phía bị đơn đã bỏ sót nhiều khoản tiền mà ông V đã chuyển khoản cho ông T thông qua Ngân hàng TMCP N với tổng số tiền 3.773.500.000đ, cụ thể bỏ sót các khoản sau:

+ Ngày 29/9/2019: chuyển 2.000.000đ

+ Ngày 26/12/2019 chuyển 4 lần 670.000.000đ (bản kê nêu 03 lần với 660.000.000đ, thiếu 10.000.000đ)

+ Ngày 27/12/2019 chuyển 800.000.000đ

+ Ngày 06/1/2020 chuyển 517.000.000đ

+ Ngày 13/1/2020 chuyển 853.000.000đ

+ Ngày 17/1/2020 chuyển 500.000đ

+ Ngày 21/01/2020 chuyển 5.000.000đ

+ Ngày 03/02/2020, chuyển 1.000.000.000đ

+ Ngày 05/2/2020 chuyển 04 lần 600.000.000đ (bản kê chỉ nêu 02 lần với 14.000.000đ, thiếu 586.000.000đ):

Như vậy, cần xác định tổng số tiền ông T đã nhận từ ông V là 17.454.500.000đ + 3.773.500.000đ= 21.228.000.000đ.

[4] Từ việc nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn tổng số tiền 21.228.000.000đ thông qua chuyển khoản và giao nhận trực tiếp 150.000.000đ (theo Giấy vay tiền ngày 14/6/2019), sau khi cấn trừ số tiền 17.454.500.000đ mà bị đơn đã chuyển trả thì việc ông V yêu cầu ông T phải trả số tiền 2.350.000.000đ nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

Từ phân tích trên, việc bị đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn phải trả lại số tiền chênh lệch là không có căn cứ chấp nhận. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả:

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn ông V rút phần yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 2.350.000.000đ, xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông V là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

Từ tình tiết mới nêu trên, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phần lãi.

[6] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận thành tiền là 79.000.000đ.

Bị đơn còn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận, thành tiền là 44.676.000đ.

Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên toà cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, bác kháng cáo của ông Đinh Đỗ Hoàng T, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Quốc V đối với ông Đinh Đỗ Hoàng T.

Buộc ông Đinh Đỗ Hoàng T phải trả cho ông Dương Quốc V số tiền là 2.350.000.000 đồng (Hai tỉ ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đinh Đỗ Hoàng T đối với ông Dương Quốc V về việc yêu cầu ông V trả lại số tiền 1.089.200.000 đồng (Một tỷ, không trăm tám mươi chín triệu, hai trăm ngàn đồng)

3. Về án phí:

Ông Đinh Đỗ Hoàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 123.676.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.338.000đ theo Biên lai thu tiền số 0003604 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng

Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai), ông T còn phải nộp 101.338.000đ (Một trăm lẻ một triệu ba trăm ba mươi tám ngàn đồng)

Hoàn trả lại cho ông Dương Quốc V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.440.000 đồng (Bốn mươi triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0008385 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa**

Trần Thanh Phong **Nguyễn Viết Hùng** **Nguyễn Công Sự**

Nơi nhận:
- TAND Khu vực 1 – Đồng Nai;
- VKSND Tp. Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đồng Nai
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Sự